

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09/11/2021

**“V/v Ly hôn, nuôi con chung”**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Hải**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông **Hoàng Thanh Tâm**

2/ Bà **Chu Hạ Uyên**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Thành**, cán bộ TAND thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Huỳnh Như Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

*- Bị đơn:* Anh **Trần Thanh V**, sinh năm: 1978. Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở: Khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Chị H, anh V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai vào năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, lối sống. Vợ

chồng thường xuyên cãi vã, không dung hòa được cuộc sống. Mâu thuẫn gia đình hai bên gia đình đều biết và có khuyên nhủ nhưng anh chị không thể hàn gắn. Anh chị sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Chị H sinh sống tại xã H, anh V thuê trọ sinh sống tại phường X, thành phố L. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Anh chị có ba con chung là Trần Thị Minh V, sinh ngày: 08/5/2009; Trần Thị Tường V, sinh ngày: 09/5/2012; Trần Nguyên D, sinh ngày: 30/01/2014. Từ nhỏ các con sống cùng chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Anh V được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như không có ý kiến nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H, chị H được ly hôn với anh V. Về con chung giao cả ba con chung cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh V do chị H không yêu cầu; Về tài sản chung các bên tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện ly hôn với anh Trần Thanh V, anh V có địa chỉ thường trú tại ấp H, xã H, thành phố L và hiện nay đang thực tế sinh sống tại khu phố C, phường X, thành phố L. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Thanh V vắng mặt đến lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Chị H, anh V xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy

chứng nhận kết hôn vào ngày 16/7/2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống chị H, anh V phát sinh nhiều mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm. Tuy nhiên, do các bên không khéo dàn xếp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh chị sống ly thân nhau từ lâu, không còn liên lạc, quan tâm thăm hỏi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng được người làm chứng xác nhận. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập anh V nhiều lần đến để hòa giải vợ chồng nhưng anh V cố tình vắng mặt thể hiện anh V không có thiện chí hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Anh chị có ba con chung là Trần Thị Minh V, sinh ngày: 08/5/2009; Trần Thị Tường V, sinh ngày: 09/5/2012; Trần Nguyên D, sinh ngày: 30/01/2014. Khi ly hôn, chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị H nhận thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân cả ba cháu sống cùng chị H, do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của cả ba cháu và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, nên tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh V.

[3.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Chị H khai không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H. Cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Trần Thanh V.

2. Về con chung: Giao ba con chung là cháu Trần Thị Minh V, sinh ngày 08/5/2009; Trần Thị Tường V, sinh ngày 09/5/2012; Trần Nguyên D, sinh ngày 30/01/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh V không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh Trần Thanh V có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0008242 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐN;
- VKS cùng cấp;
- THADS TP.LK;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Hải**